TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Văn Khởi.
2. Ông Hoàng Ngọc Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 119/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2018 và Thông báo số 122/TB-TA ngày 18 tháng 06 năm 2018 của TAND huyện Thanh Hà, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1988; có mặt.
HKTT: Đội 4 Thôn L, xã T, H, D.
Hiện ở: Đội 6B Thôn L, T, H, D.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Công L, sinh năm 1986; có mặt.
HKTT và trú tại: Đội 4 Thôn L, xã T, H, D.

3. Ng□ời làm chứng:
- Bà Nguyễn Thị C1.
- Chị Nguyễn Thị H.
- Chị Tiêu Thị N

Đều trú tại: Thôn L, xã T, H, D.
(Những người làm chứng đều đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng C trình bày: Chị và anh Nguyễn Công L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh D vào ngày 14/4/2006. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng nửa tháng thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh L thường xuyên chơi bời cờ bạc nên nợ nần chồng chất, kinh tế gia đình khó khăn. Chị và gia đình hai bên đã khuyên bảo anh L nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi, vì vậy mà vợ chồng thường xuyên chửi đánh nhau. Chị đã bỏ về nhà đẻ ở nhiều lần nhưng sau đó nghĩ thương con chị lại trở về chung sống với anh L. Gần đây anh L còn nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Chị đã giải thích không có việc chị ngoại tình nhưng anh L không tin, lại còn chửi đánh, tra khảo chị, có những lời lẽ xúc phạm gia đình chị. Vì vậy cuối tháng 4/2018 chị đã bỏ về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Việc chị bỏ về nhà đẻ ở là do chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh L chứ không phải vì lý do mẹ chị bảo chị về. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lộc.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A sinh ngày 06/3/2009 và Nguyễn Công D sinh ngày 28/4/2011. Hiện hai con đều đang ở với anh L. Do các con đều có nguyện vọng ở với bố nên chị đồng ý để anh L nuôi cả hai con chung. Hiện nay chị đã nghỉ làm công ty, đang ở nhà và chưa tìm được việc mới nhưng chị vẫn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000đ/ 1 tháng/ 01 con.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2018 và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Công L trình bày việc đăng ký kết hôn như chị C đã khai. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống bình thường. Chị C khai anh chơi cờ bạc là đúng nhưng chị C biết việc anh chơi cờ bạc từ trước khi lấy anh. Chị C cũng đã nhiều lần khuyên bảo anh bỏ chơi cờ bạc nhưng anh không bỏ được. Anh có vay nợ để đánh bạc nhưng sau đó anh tự kiếm tiền để trả, và vợ chồng anh không đánh chửi nhau vì việc này. Từ tháng 8/2017 anh nghi ngờ chị C ngoại tình vì thấy chị C thường xuyên nhắn tin, liên lạc qua Facebook với một người đàn ông khác. Anh có hỏi chị Chiêm nhưng chị C không thừa nhận việc đó. Anh đã yêu cầu chị C dừng sử dụng điện thoại thông minh có mạng để tránh liên lạc quá thân mật với người đàn ông khác và cũng để dành thời gian nghỉ ngơi cho đỡ mệt nhưng chị C không nghe. Vì việc này mà vợ chồng anh có xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Chị C đã bỏ về nhà đẻ ở từ cuối tháng 4/2018 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Có việc anh chửi bới mẹ vợ vì mẹ vợ anh hay đặt điều, còn bảo vợ anh bỏ anh. Anh không đồng ý ly hôn với chị C vì anh không muốn con anh có bố mà không có mẹ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên tuổi và nơi ở hiện nay của các con đúng như chị C trình bày. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh L khai nếu chị C kiên quyết xin ly hôn, anh xin nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh L giữ nguyên đề nghị xin nuôi cả hai con chung nhưng đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hiện nay thu nhập trung bình của anh là 8000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai, cháu D và cháu Ngọc A đều trình bày nguyện vọng xin được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

* Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Chị C, anh L sau khi chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Lộc thường xuyên chơi bời, cờ bạc, vì vậy mà vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Anh L còn có hành vi chửi bới, đe dọa, xúc phạm chị C và gia đình chị C do nghi ngờ chị C ngoại tình. Địa phương không nghe thấy dư luận và cũng không ai chứng kiến việc chị C có quan hệ bất chính với người đàn ông khác như thông tin anh L đưa ra. Mâu thuẫn vợ chồng chị C đã trầm trọng, khó có khả năng đoàn tụ. Về quan hệ con chung: Đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai của đương sự và nguyện vọng của con chung để giải quyết.

* Bà Nguyễn Thị C1 (mẹ đẻ của chị Chiêm) trình bày về thời gian chung sống hạnh phúc, thời gian phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị C trình bày. Việc bà bảo chị C về nhà đẻ ở là có thật nhưng là do anh L hỗn láo chửi bới và có những lời lẽ, hành vi xúc phạm vợ chồng bà và chị C.

* Hàng xóm của anh L, chị C xác định có việc anh Lc chơi bời cờ bạc, có việc xô xát giữa anh L và bố mẹ đẻ chị Cm, có việc anh Lộc nghi ngờ chị Chiêm ngoại tình với người đàn ông khác vì vậy mà vợ chồng đã cãi chửi nhau và chị C bỏ về nhà đẻ ở.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn, người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải lần hai bị đơn vắng mặt mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử chị C ly hôn với anh L. Về con chung: Đề nghị giao cả hai con chung cho anh Ltrực tiếp nuôi dưỡng; Do chị C mới nghỉ làm công ty và chưa có việc làm, mỗi tháng chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000đ/1 con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo

quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị C, anh L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh D vào ngày 14-4-2006, là hôn nhân hợp pháp. Xem xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C, thấy: Vợ chồng chị C, anh L sau một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh L thường xuyên chơi bời cờ bạc; ngoài ra còn do anh L thiếu tin tưởng vợ, ghen tuông vô cớ từ đó có những xử xự chưa phù hợp. Thực tế hiện nay vợ chồng chị C, anh L đã sống ly thân, mỗi người một nơi và chị C xác định không còn tình cảm gì với anh L, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên kiên quyết xin ly hôn anh. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị C ly hôn anh L để tạo điều kiện cho các bên sớm ổn định cuộc sống.

[2]. Về con chung: Khi ly hôn, anh L xin nuôi cả hai con chung; cháu Ngọc A, cháu D đều có nguyện vọng xin được ở với bố; chị C đồng ý giao hai con chung cho anh L nuôi dưỡng. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh L đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Theo hướng dẫn của Toà án nhân dân tối cao, mức cấp dưỡng nuôi con tối thiểu không dưới 1/2 mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con. Hiện nay mức lương cơ sở mà Nhà nước quy định là 1.390.000đ. Chị C mới nghỉ làm công ty, hiện chưa có việc làm mới. Tuy nhiên chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000đ/1 tháng/1 con; xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định pháp luật về cấp dưỡng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị C, anh L đều xác định không có nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng C ly hôn anh Nguyễn Công L.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Ngọc Ah, sinh ngày 06/3/2009 và Nguyễn Công D, sinh ngày 28/4/2011 cho anh Nguyễn Công L trực tiếp nuôi dưỡng; chị Chiêm phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ/ 1 con, tổng hai con là 2.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 7/2018 đến khi con chung thành niên.

Chị Chiêm có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng C phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000094 ngày 15/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, chị C còn phải nộp 300.000đ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Nhung

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Việt, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**